

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ, KINH DOANH TRONG
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG TRONG TRUNG TÂM TÀI
CHÍNH QUỐC TẾ

1. Danh mục ngành, nghề đầu tư, kinh doanh trong Lĩnh vực tài chính, ngân hàng (Nhóm 1)

STT	Ngành, nghề đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng
1	Kinh doanh chứng khoán
2	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
3	Kinh doanh bảo hiểm
4	Kinh doanh tái bảo hiểm
5	Môi giới bảo hiểm, hoạt động phụ trợ bảo hiểm
6	Đại lý bảo hiểm
7	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
8	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
9	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
10	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
11	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng
12	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng

13	Hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
14	Kinh doanh vàng
15	Tổ chức thị trường, dịch vụ hỗ trợ thị trường, kinh doanh công cụ nợ và vốn xanh, ESG, sản phẩm tài chính xanh, ESG và ESG;
16	Tổ chức thị trường, dịch vụ hỗ trợ thị trường, kinh doanh sản phẩm đánh giá xanh, ESG, chỉ số bền vững;
17	Cung cấp hạ tầng, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán, tổ chức thị trường giao dịch tín chỉ các bon trong nước và quốc tế;
18	Kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu;
19	Kinh doanh dịch vụ tài chính hỗ trợ du lịch, dịch vụ bền vững, quỹ hạ tầng du lịch xanh;
20	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm xanh, ESG và chỉ số bền vững.
21	Tổ chức thị trường, dịch vụ hỗ trợ thị trường, kinh doanh dịch vụ, giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng, tài trợ thương mại, ESG;
22	Kinh doanh sản phẩm tài chính doanh nghiệp gồm tài chính thương mại, hàng hóa có cấu trúc, phái sinh hàng hóa;
23	Kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm thương mại quốc tế, bảo hiểm vận tải và tài chính hàng hải;
24	Thí điểm sandbox đối với các sản phẩm tài chính thương mại ứng dụng blockchain.
25	Cấp tín dụng gồm cho vay xuất khẩu, nhập khẩu, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng, bao thanh toán, chiết khấu và các dịch vụ đi kèm.
26	Kinh doanh sản phẩm phái sinh tài chính quốc tế, bao gồm phái sinh cổ phiếu và chỉ số;

27	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng theo quy định áp dụng tại Trung tâm tài chính quốc tế.
28	Cung cấp hạ tầng, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tài sản số, tài chính phi tập trung;
29	Cung cấp hạ tầng giao dịch chứng khoán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;
30	Kinh doanh hạ tầng, nền tảng, dịch vụ và sản phẩm liên quan đến thị trường vốn và quản lý quỹ, bao gồm huy động vốn cộng đồng, tài chính cá nhân, công nghệ quản lý tài sản, tư vấn tự động, nền tảng giao dịch thay thế.
31	Nghiên cứu sản phẩm tài chính mới: token hóa tài sản, stablecoin.
32	Phát triển và cung cấp nền tảng tài trợ vốn, bao gồm tài trợ chuỗi cung ứng, tài trợ khoản phải thu, tài trợ dựa trên hàng hóa luân chuyển;
33	Phát triển hoạt động tài trợ doanh nghiệp của tổ chức cho vay không nhận tiền gửi, bao gồm công ty bao thanh toán, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính;
34	Cung cấp hạ tầng, nền tảng và các dịch vụ ngân hàng số, bao gồm chuyển tiền, thanh toán, thanh toán tích hợp, cho vay số, mua trước trả sau;
35	Cung cấp hạ tầng, nền tảng, dịch vụ và sản phẩm bảo hiểm số (InsurTech), bao gồm công nghệ bảo hiểm mở, bảo hiểm nhúng, đổi mới chu kỳ bảo hiểm, bảo hiểm an ninh mạng;
36	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ, quản trị quỹ, chứng chỉ quỹ và các sản phẩm đầu tư tập thể;
37	Kinh doanh văn phòng gia đình (family office), dịch vụ môi giới, quản lý tài sản cá nhân và tổ chức;
38	Kinh doanh quỹ công nghệ số, quỹ xanh, ESG, quỹ đầu tư hạ tầng du lịch xanh;
39	Kinh doanh quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư tư nhân, quỹ phòng hộ;

40	Kinh doanh dịch vụ lưu ký và quản trị quỹ xuyên biên giới.
41	Hoạt động sản giao dịch hàng hóa
42	Hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa
43	Dịch vụ tín thác, quỹ nền tảng và ủy thác, bao gồm việc thành lập, quản trị, điều hành và quản lý các quỹ tín thác, quỹ nền tảng và các cấu trúc ủy thác
44	Dịch vụ lưu ký và bảo quản tài sản, bao gồm lưu ký chứng khoán, lưu ký tài sản số, cùng các hoạt động thanh toán, bù trừ và dịch vụ quản lý tài sản liên quan
45	Hoạt động tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản, bao gồm tự doanh (proprietary trading) và hỗ trợ thanh khoản cho các thị trường và nền tảng giao dịch được quản lý, cấp phép.
46	Dịch vụ đặt trụ sở, đăng ký và quản trị quỹ, bao gồm thành lập và vận hành các chương trình/quỹ đầu tư tập thể (collective investment schemes) và các cơ chế hộ chiếu quỹ (fund passporting).
47	Hoạt động tài chính cấu trúc và chứng khoán hóa, bao gồm thành lập và vận hành các pháp nhân mục đích đặc biệt (SPV), cũng như phát hành và quản lý các chứng khoán có tài sản bảo đảm và chứng khoán cấu trúc.
48	Hoạt động tài trợ dự án và tài trợ hạ tầng, bao gồm cấu trúc tài chính, thu xếp vốn, đồng tài trợ (syndication) và dịch vụ tư vấn cho các dự án, mô hình đối tác công – tư (PPP) và các dự án hạ tầng.